

**Nguyễn Văn Sâm**

**VĂN CHƯƠNG  
TRANH ĐẤU  
MIỀN NAM**

\* \* \*

**Nhà Xuất bản Kỷ Nguyên  
Sài Gòn 1969**

## NHÌN LẠI NHỮNG CÔNG TRÌNH NÓI VỀ NỀN VĂN CHƯƠNG NAM BỘ 45 - 50

Thật sự ta phải nhận rằng rất ít người nói về văn chương Nam Bộ khoảng 45 -50, không những vậy người bàn đúng vai trò của nền văn chương này lại càng hiếm hoi hơn. Những người này có thể kể được trên đầu ngón tay.

Tổng quát, những công trình nhận định về giai đoạn văn chương này có thể kể đến

- Ông Thế Phong với quyển “Lược Sử Văn Nghệ Việt Nam” (phê bình) nhà văn miền Nam 1945-1950.

- Ông Bùi Tuân với nhóm nhân vị trong quyển “Văn hóa và Nhân vị”

- Ông Uyên Thao với bài thơ, nhận định về thơ giai đoạn 1945-1956. “Thơ hiện đại trong giai đoạn phân hóa 1945-1956” trong tạp chí “Giáo Dục Phổ Thông Xuân Canh Tý”.

Ở mỗi tác giả có cái nhìn riêng nên có cái hay, cái dở riêng. Để khỏi dài dòng ở đây chúng tôi chỉ lạm bàn với các tác giả trên về những vấn đề mà tôi nghĩ rằng họ chưa làm tròn nhiệm vụ một nhà nhận định về văn học hoặc quá chủ quan để chỉ xét vấn đề một cách khiếm diện thiếu sót, không nói lên được tính chất đặc biệt nền văn học ta đang khảo sát.

### TRƯỜNG HỢP THẾ PHONG

Quyển sách của ông Thế Phong in lại loạt bài ông đã cho đăng trên tạp chí Văn Hóa Á Châu là tiếng nói có uy tín nên khi in lại, mặc dầu ronéo-type ông vẫn để lời giới thiệu của tạp chí này. Bởi vậy chúng tôi coi những lời trên đây phản ánh đúng nhất nguyên tắc mà ông Thế Phong đeo đuổi khi viết.

*“Viết và nhận định những hiện tượng văn nghệ trong lịch sử không phải là công việc thường thức văn chương với thái độ chủ quan và tự do khen chê tùy thích cũng không phải là công việc phê bình chính trị với những lập trường thiên lệch có tính cách cá nhân hay bè đảng. Và như thế thái độ chính đáng hơn cả là phải khách quan, tôn trọng sự thật và nhận định sự việc theo lập trường dân tộc.*

*Nhận thấy nhà văn Thế Phong đã noi theo tôn chỉ trên đây khi viết tập này “Văn Hóa Á Châu” vui lòng đăng tải” (trang 3).*

Qua lời giới thiệu trên ta thấy có một sự mâu thuẫn. Mâu thuẫn ở chỗ người giới thiệu cho có sự song hành giữa sự nhận định khách quan, tôn trọng sự thật với nhận định sự việc theo lập trường dân tộc (?) Bởi vì sự thật lịch sử là sự thật với mọi người cho nên khi vì tôn trọng sự thật ta có thể chấp nhận một lập trường phản với truyền thống dân tộc, phản với sự tin tưởng xưa nay (trường hợp L.M Nguyễn Phương với loạt bài xác định không có Hùng Vương mà chỉ có Lạc Vương) Trái lại nhiều khi vì lập trường dân tộc người ta bóp méo mó sự thật, hay cố tình không nói đến sự thật (trường hợp vài sử gia Tàu nói về các anh hùng dân tộc Việt Nam).

Vậy sự song hành giữa sự thật khách quan và lập trường dân tộc là một việc khó xảy ra vì một bên thuộc sự việc ngoại tại, ở ngoài con người, bất cứ người nước nào và một

đàng thuộc phạm vi tình cảm ở trong con người ở một nước nào đó. Sự song hành chỉ xảy ra khi sự thật khách quan đó phù hợp với tinh thần dân tộc mà thôi.

Nhà văn Thế Phong – và tạp chí VHAC – khi xác định điều trên có lẽ muốn *xác định lập trường chính trị của mình*. Thật ra ông Thế Phong đã quá cẩn thận vì như ta thấy trong suốt tác phẩm, Ông cố né tránh vấn đề chánh trị. Nhưng vấn đề chánh là ông Thế Phong có nói lên được đầy đủ sự thật hay không ? Lập trường ông trong quyển sách đó có đúng là lập trường dân tộc hay không ?

## TRẢ LỜI CÂU HỎI 1

*\*Nhà Văn Thế Phong có nói lên được đầy đủ sự thật về nền văn nghệ lúc ấy không?\**

Lời tựa báo ông Thế Phong khi viết đã khách quan và tôn trọng sự thật. Điều này không có gì đáng hoan nghinh cả vì một khi nhà nghiên cứu muốn tác phẩm mình có giá trị *thì bắt buộc* phải theo tiêu chuẩn làm việc trên. Nếu quá chủ quan sẽ dễ dàng lập dị - Và lại viết chủ quan một cách đúng đắn không phải là chuyện dễ vì người viết phải đưa ra *lập trường của mình*, là một việc không phải ai cũng có thể làm được. Việc tôn trọng sự thật lại là một điều đương nhiên phải có vì nếu không ta sẽ không là một nhà nhận định, một nhà phê bình mà chỉ là một nhà tuyên truyền, một người làm chánh trị bằng văn nghệ.

Dĩ nhiên ông Thế Phong không muốn mình thuộc lớp người sau.

Vậy ta thử xem ông ấy có nói lên sự thật được hay không ? Bởi vì có ý muốn tôn trọng sự thật không có nghĩa là nói ra được tất cả sự thật, nhất là việc nhận định những sự kiện thuộc về lịch sử. Bởi vì còn có những trở ngại như : Vấn đề tài liệu, vấn đề rút ra những suy tư từ các tài liệu đó.

Trước nhất chúng tôi thấy ông Thế Phong không đủ tài liệu, ông không xem các báo xuất bản ở giai đoạn ấy, ông không nói đến vài nhà văn quan trọng như Liên Chớp, Bùi Nam Tử, Võ Hòa Khanh, Hoàng Mai, Phi Vân, Việt Tha v.v... là những tác giả có những tác phẩm khá quan trọng hay được đọc giả lúc ấy để ý tới. Những tác giả được ông Thế Phong nói đến thì không được nhận định đúng tầm quan trọng vì ông không biết đến những tác phẩm khá tiêu biểu của họ (trường hợp Dương Tử Giang với quyển Tranh Đấu , Vũ Anh Khanh với quyển Cây Nả Trắc, Bạt Xiu Lin, Ngũ Tử Tư, Thiên Giang với quyển Vấn Đề Nông Dân Việt Nam) .

Đó là vấn đề chất liệu, ông thiếu chất liệu nên xây dựng tác phẩm không đúng với với mẫu của nó là lẽ dĩ nhiên không cần bàn cãi, ta còn thấy ông vụng về khi dùng những chất liệu đó, chúng tôi muốn nói ông làm nhận định sai những tài liệu ông đã có trong tay. Ông Thế Phong cho bình diện văn nghệ Nam Bộ khoảng 45 – 50 Lý Văn Sâm là nhà văn lớn nhất lớn hơn cả Vũ Anh Khanh. Thật ra, không phải như vậy, về số lượng tác phẩm Vũ Anh Khanh trội hơn Lý Văn Sâm, về văn từ và nội dung thì mỗi người một vẻ nhưng ta phải công nhận *ảnh hưởng* trong dân chúng giai đoạn ấy Vũ Anh Khanh mạnh hơn vì ở họ Vũ người ta thấy tinh thần yêu nước một cách nồng nhiệt thật thà, lên đường làm nhiệm vụ công dân là một lẽ dĩ nhiên. Trong khi ấy qua tác phẩm của họ Lý người đọc phải suy luận nên ảnh hưởng không trực tiếp, không mạnh mẽ bằng họ Vũ. Người ta chỉ thấy Lý Văn Sâm nói về cái nghèo của dân thành thị, của văn sĩ, cái khổ của dân chúng...

Như vậy ông đưa ra cho ta thấy thảm trạng của người dân lúc ấy. Đồng ý như vậy ông là một nhân chứng trong việc ghi lại một vết tích của thời đại, ông đã làm đúng nhiệm vụ một nhà văn, nhưng đối với trường hợp ấy tôi nghĩ điều kiện để xác định thứ bậc tương đối của một văn sĩ là :

- *Có nói lên được tiếng nói tha thiết của người dân không ?*
- *Có tạo được ảnh hưởng trong dân chúng để góp phần cho việc cách mạng bằng vũ lực đang được thực hiện hay không?*

Hai điều này họ Lý không được thành công bằng họ Vũ.

- Khi phân tích tác phẩm của Lý Văn Sâm tác giả đã để ý tưởng “nhà phê bình” lôi kéo nên quá chú trọng tác phẩm ngoài giai đoạn là “Kòn Trô” mà nhẹ phần tìm hiểu các tác phẩm giai đoạn.
- Khi phê bình Hoàng Tấn ông đã đọc lướt qua quyển “Cứu Lầy Quê Hương” nên hiểu nhầm ý tác giả muốn diễn tả (rất trầm trọng về điểm này).
- Hầu hết những tác giả mà ông nói qua trong phần nói sơ lược đều không được xác đáng, không vẽ ra được bản sắc của tác giả đó cũng như không trình bày cho ta thấy những tình ý của các tác giả này.

## TRẢ LỜI CÂU HỎI 2

- *Khi viết ông có theo đúng lập trường dân tộc không ?*

Tổng quan mà nói chữ *viết theo lập trường dân tộc* quá mơ hồ. Ta có thể hiểu theo nhiều cách. Ở đây ta không cần đòi hỏi những điều sâu xa có thể làm mất tánh cách khách quan của việc nhận định về lịch sử. Ta chỉ cần hỏi một điều rất thường ; *khi viết quyển nhận định trên, tác giả có nói lên được tâm tình, giai đoạn thành hình nền văn nghệ ấy hay không ? Có nói lên được nguyên do phát sinh nền văn chương này hay không ?* Ta có thể không sợ sai mà bảo rằng ông Thế Phong không làm được điều này không phải vì ông Thế Phong không có những đề mục này nhưng vì ông không thấy cái *chung* của nền văn chương lúc ấy. Cái *nguyên động lực* để thúc đẩy sự hình thành nền văn chương này. Điều này là cái tâm tình dân tộc lúc ấy, cái lập trường của dân tộc của giai đoạn. Có tìm hiểu nguyên do phát sinh nền văn chương này ta mới hiểu tại sao văn nghệ Miền Nam lúc ấy bỗng dưng phát triển mạnh, dân tộc Việt Nam bỗng dưng nổi dậy đồng loạt chống với quân thù không cần tìm hiểu xem ai cầm đầu sự chống đối này. Sau khi thành công tình trạng gì sẽ xảy ra.

Tôi nghĩ lập trường dân tộc trong dịp tìm hiểu một giai đoạn văn nghệ là tâm tình *ẩn cũng như hiện* của nhân dân phản ảnh trong giai đoạn đó chớ không thể bảo lập trường dân tộc là *lập trường chánh trị của người hôm nay nhận định lại giai đoạn văn học hôm qua được.*

Với ý nghĩ đó, tôi cho rằng tác phẩm của ông Thế Phong thiếu sót, chỉ có giá trị một bài báo, chỉ giúp người đọc có một khái niệm quá thiếu sót, nếu không nói là sai lầm, về một giai đoạn văn học mà thôi.

## TRƯỜNG HỢP BÙI TUÂN VỚI THUYẾT NHÂN VỊ

Khoảng 1958-1959, một nhóm trí thức ở Huế cho ấn hành quyển “Văn Hóa và Nhân Vị” với các bài của Bùi Tuân, Võ Long Tê v.v... Trong đó có một bài của ông Nghị họ Bùi bàn về văn nghệ khoảng 45-50. Ông cho rằng nền văn nghệ này không xứng đáng mang danh một giai đoạn văn nghệ vì tính cách *đấu tranh*, dựa trên *căm thù* của nền văn chương này. Theo ông Bùi Tuân thì văn chương là cái gì cao nhã, mềm dịu, có tính cách tình cảm. Bọn người chánh trị lúc đó đã dùng nền văn chương 45-50 như một lợi khí đấu tranh hướng dẫn sáng tác phẩm vào việc cổ võ sự căm thù và do đó đánh mất tính cách văn chương của giai đoạn này.

Tôi nghĩ, xét văn thơ sản xuất trong một giai đoạn nào đó có xứng đáng là văn chương không bằng cách căn cứ trên tình cảm bộc lộ trong các văn thơ ấy thì quả không có gì vô lý cho bằng.

Mặt khác ta cần hỏi lại có phải chăng bọn làm chánh trị lúc ấy đã hướng dẫn được nền văn nghệ giai đoạn ta khảo sát? Sự phân chia nền văn chương *hưởng ứng kháng chiến*, *cổ võ kháng chiến* và nền văn chương *chống đối kháng chiến* của Uyên Thao trả lời rằng : *Không*. Chỉ có những văn sĩ ở vùng kháng chiến mới sáng tác theo đường lối mà thôi, văn sĩ ngoài thành viết theo tiếng nói nội tâm mình. Và lại ta thấy những Hội Nghị Văn Hóa Cứu Quốc v.v...do các nhà lãnh đạo kháng chiến tổ chức các năm 1945-1946 nhưng không để lại tiếng vang nào (bằng tác phẩm) trong các năm ấy và cả các năm sau này nữa.

Ngày nay người ta chỉ tìm thấy giá trị nghệ thuật trong các tác phẩm văn chương xuất bản năm 49-50 ở trong thành mà thôi (nghĩa là vùng không bị ảnh hưởng của việc chi phối, lãnh đạo).

Một vấn đề khác : nếu bảo nền văn chương này cổ võ sự căm thù và không xứng đáng mang tiếng văn chương thì quá mơ hồ. Ta trở về vấn đề văn chương vị nghệ thuật hay vị nhân sinh. Và ta sẽ đi vào lối cụt không có câu trả lời như các sự cãi vả trước đây từ Tây sang Đông.

Ta chỉ cần hỏi lại, căm thù như vậy có đúng không, có chính đáng không, có lợi cho quốc gia dân tộc không? Có phản ảnh tâm tình toàn dân lúc đó không, hỏi tức là trả lời vậy.

Ta tìm hiểu văn học sử một nước, một giai đoạn là *tìm hiểu, văn chương, tư tưởng tâm tình* của dân tộc đó, giai đoạn đó ghi lại trong các tác phẩm đương thời. Sự tìm hiểu này cho ta kết luận khi tìm được *ý chính* trong các tác giả ở cùng một giai đoạn. Những mục tiêu nào khác nói trên, tôi nghĩ là người chủ trương đã quên con đường chánh, con đường đầu tiên do Văn học sử vạch ra.

Và lời nói trên của ông Bùi Tuân, tôi cho là đã không đặt trúng vấn đề nếu không muốn nói là chỉ đứng vững nổi trong những năm của chế độ cũ.

## NHẬN ĐỊNH VỀ BÀI CỦA ÔNG UYÊN THAO

Bài của ông Uyên Thao khá nhất bởi vì ông có cái nhìn tổng quát, phân đoạn kỹ lưỡng, phân chia trường phái một cách hợp lý. Rất tiếc bài ông vì chỉ nói thuần về thơ và nói tổng quát cả ba miền nên quá *sơ lược*. Do đó những nhận định của ông chỉ là những nhận định xác định giá trị. Vì vậy bài không tránh nổi điểm chủ quan mơ hồ. Ông phê phán một cách bộc trực, nghĩ sao nói vậy chớ không minh chứng. (Trường hợp ông nhận định về lời giới thiệu nhà thơ Chim Xanh của học giả Hồ Hữu Tường). Theo ông trong giai đoạn 45-46 về *thơ* có thể ghi nhận 3 đợt diễn tiến.

-Đợt thứ nhất (45-49)

-Đợt thứ hai (49-54)

-Đợt thứ ba (54-56)

Nhưng ta nhận xét, thường có sự đồng nhất về tư tưởng, thể tài, về thơ và văn ở cùng một giai đoạn, bởi vậy sự phân chia về thơ của ông trên đây có thể áp dụng cho bộ môn văn. Theo chúng tôi nghĩ, giai đoạn hai phải lùi lại là 51-54, vì trong 50 còn có rất nhiều tác phẩm, bài thơ ra đời mang nội dung tương tự với những bài thơ xuất hiện trước đó, và nhất là những năm 49,50. (Theo ông Uyên Thao thuộc về giai đoạn 2 nên văn thơ này khác hẳn văn thơ những năm 51-52-53-54). Điều đáng chú ý là khi nhận định đại cương về giai đoạn 1, 45-49 ông viết :

*“Ý thức nghệ thuật mất hẳn vào kháng chiến, hoàn cảnh lịch sử đã lôi cuốn nghệ sĩ vào cuộc đấu tranh của dân tộc và họ không quan tâm đến mục đích hay ý nghĩa của nghệ thuật. Những sáng tác phẩm ra đời hồn nhiên như khi ta thốt lời khen một vở kịch hay, không có ẩn ý lợi dụng hay đề cao. Nghệ sĩ trong kháng chiến, say sưa với những tâm gương hy sinh cao cả, thiết tha vì lòng ái quốc bộc phát tới cao độ, đã nói lên tiếng nói chân thành của con tim. Sáng tác đối với họ chỉ là một cách trút những cái gì đang dồn nén trong người là làm vui trào cảm xúc mãnh liệt và mệnh mạng như một đại dương. Đợt này chấm dứt khi những người Cộng Sản Việt Nam nghe thấy tiếng vọng của đại bác Trung Cộng ở biên cương Trung Hoa”.*

Đoạn nhận định này phân tích rõ ràng, nói đúng nhiều chỗ tâm trạng của những người làm văn nghệ lúc ấy. Nhưng tôi nghĩ rằng ông Uyên Thao đã đi quá xa khi bảo rằng trong giai đoạn này nghệ sĩ *không bận tâm đến mục đích hay ý nghĩa của nghệ thuật*. Ta chỉ có thể bảo họ, người làm văn nghệ lúc ấy ít chú trọng đến hình thức của các tác phẩm, nghĩa là với họ sự quan trọng không ở hình thức của tác phẩm. Tư tưởng trong đó là phân xác định giá trị của văn nghệ sĩ chớ không phải phân hình thức. Tuy nhiên nếu một văn phẩm có nội dung hợp với tinh thần của nhân dân lúc ấy mà hình thức có nghệ thuật thì dĩ nhiên sẽ được chào đón một cách nồng nhiệt hơn (Tha La của Vũ Anh Khanh viết xong 1949, các bài thơ nổi tiếng như Màu tím hoa sim, Chiều máu Tchépone đều viết trước 49).

Nói như trên là ta đã quá kỹ lưỡng, thật ra bài nhận định của Uyên Thao có giá trị nhiều, tiếc rằng ông đã không khảo sát tỉ mỉ hơn đề tài mình mà thôi.



## TỔNG QUAN

Người nhìn lại giai đoạn văn chương mà ta khảo sát quá ít, phần vì e ngại dính dáng đến chính trị, phần vì thiếu tài liệu (sau đó là những năm binh lửa liên miên, người thiện chí muốn tìm hiểu cũng không đủ điều kiện). Có người khi nghiên cứu lại đặt trên một *cứu cánh chánh trị* nên không được khách quan hay thật nhắm vào đề. Ông Uyên Thao không ở trong trường hợp này thì lại viết quá tổng quát, quá sơ lược, chỉ đưa cho người đọc một ý niệm đại cương mà thôi không đi sâu được vào các ngõ ngách của tâm tình dân tộc lúc ấy. Là kẻ đi sau, có nhiều hy vọng tránh những lỗi của người đi trước, chúng tôi mong sẽ giải đáp được phần nào thắc mắc cho những ai có dịp gặp gỡ với nền văn chương này.

## PHẦN DẪN NHẬP

Từ lâu rồi dân ta đói khổ, đói khổ đủ mọi thứ và sinh ra do nhiều nguyên nhân. Đói khổ vì cơm áo, thiếu tự do, không đủ điều kiện cho sự đào tạo trí thức ... Đói khổ kéo dài vì Vua quan bất tài, vì lỗ tai đóng lại, xa cách với người dân, của nhóm người cai trị... Nhưng nhân dân dưới thời dân chủ Việt Nam có đau khổ thì họ cũng tạm an ủi mình bằng trách trời, trách số mệnh... Khi người Pháp đến với chánh sách của họ, người dân Việt vẫn không tìm thấy vẻ đời tươi sáng hơn và họ có lý do để oán trách.

Bây giờ thuyết thiên mệnh, quân chủ không đứng vững nữa. Xưa nhân dân có trách, oán nhà Vua nhưng nhẹ nhàng và đưa ra những lý do liên quan đến quyền lợi cá nhân (các bài Cung Oán) Bây giờ nhà Vua lại bỗng nhiên được quý mến, đối tượng oán ghét của nhân dân giờ đây chuyển vị trí. Người dân với luận điệu thô sơ, vì tình cảm của họ cho rằng chính vì người Pháp đến nên họ mới khổ sở, nhà Vua họ mới bắt lực... Với họ, người Pháp dị chủng không có quyền gì trên mảnh đất này cả, người Pháp thiết lập quyền bính ở Việt Nam là chỉ để bảo vệ một quyền lợi nào đó thôi, và họ bắt mản càng thêm bắt mản. Những người này có một đối tượng chung, cùng ghét một thứ, cùng muốn đạt được một mục đích nên dễ dàng đoàn kết với nhau đứng về một phía. Sartre bảo người ta dễ liên kết với nhau khi cùng căm thù một đối tượng. St. Exupéry cũng không khác khi bảo yêu nhau là cùng nhìn về một hướng. Và ta thấy sự thật, sự đoàn kết của toàn dân trong việc đánh đuổi quân Pháp ra khỏi bờ cõi Việt Nam. Nhưng đó là vấn đề sau...

Ta biết rằng dân ta chịu nhiều đau khổ từ lâu, nhưng tìm chứng tích trong văn chương ta sẽ rất ngạc nhiên vì hầu như không thấy những lời than van. Cái khổ người dân tràn trề nhưng thường bay mất đi theo thời gian. Rất ít khi còn lại do các chứng nhân ghi chép những điều mắt thấy tai nghe. Có lẽ sử Việt Nam được viết theo quan niệm sai lầm từ lâu. Và chỉ ghi các biến cố có liên quan đến cả nước, hoặc nhiều lắm là liên quan đến Vua, chúa, quan lại mà thôi, do đó người dân bị bỏ quên. Họ có đói khổ đau đớn thì người đi sau cũng chỉ cảm thấy hay biết một cách mơ hồ thôi. Dân Việt không có các văn sĩ ghi lại đời sống xã hội, dân Việt chỉ có văn nhân nói đến mình, tình cảm mình. Các trường hợp như các tác giả “Tang thương ngẫu lục”, “Vũ trung túy bút” quá hiếm ở đây ta cũng chỉ được các nét phác sơ sài. Họ hoàn toàn ta tới có được vài bài than thở vì đau khổ, đói kém nhưng thường tiếng than ấy chỉ đại diện cho người viết vì nó chỉ nói về người viết

mà thôi (các bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát, thơ chữ nôm của Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương...) Nếu chịu khó tìm kiếm hơn ta sẽ gặp vài bài nói về cảnh khổ của *người dân*, nghĩa là số đông, của những người không ghi được sự đau khổ của mình lên trên giấy. Đó là những lời có ích lợi thật sự cho kẻ đi sau tìm hiểu về thời trước, nó là tiếng lòng nói lên sự cảm thông với nỗi đau khổ của nhóm người phải chịu đựng : nó là những chứng tích của thời đại. Chẳng hạn bài thơ sau của Tùng Thiện Vương than về dân chúng phải chịu gánh nặng hối lộ do việc các quan chức lúc ấy những nhiều :

*Sớm dâng tiền phù lưu  
Tối dâng tiền phù lưu  
Quan trên soi phù lưu  
Dân dưới mới khỏi tù  
Quan trên trừ tiền lời đã mục  
Dân dưới bán nhà bán đến vợ  
Thân này tuy còn nhà đã tan  
Khỏi bị gông cùm thì bị nợ  
Vợ bỗng con để biệt chồng  
Ngó nhau nhai trầu khóc nước nỡ  
(Vô Danh dịch)*

Nhưng những tiếng nói vì *người* kia quả thật ít ỏi. Ít ỏi nên không gây được tiếng vang nào, người khổ vẫn tiếp tục khổ, kẻ thấy đó bất bình vẫn tiếp tục bất bình.

Không phải dân Việt không chú ý tới người chung quanh, các nhà văn không ghi lại sự khổ sở của dân chúng vì họ không dám “hoặc chúng, yêu thư” có thể họ cho đối tượng của văn thơ phải cao hơn là việc viết về những cái đau khổ của người chung quanh, thấp lè tè dưới mặt đất. Mặt khác cũng vì văn từ khó khăn nên tiếng lòng của các nhà văn có “đầu óc” không thể nào đồng nhịp để tạo thông cảm với người nghèo khổ chung quanh và các văn thi sĩ xuất hiện từ lớp người này không có được.

Dù sao đi nữa ta cũng nhận một sự thật, trước khi có sự cai trị của người Pháp, nỗi khổ của người dân Việt rất ít – hầu như không được ghi lại bằng văn từ. Khi người Pháp đến, nỗi khổ của người Việt vẫn kéo dài, bây giờ có cái khác là tiếng nôm được thông dụng, chữ quốc ngữ phát triển, người bình dân dễ hiểu, người trí thức dễ viết những gì họ nghĩ. Luồng gió quốc gia, xã hội đến khiến cho người viết văn chú ý đến người chung quanh nhiều hơn. Họ không phải chỉ nói thuận về mình mà nói nhiều thứ khác nữa.

Nhưng người Pháp không dại, họ cũng phải bảo vệ quyền lợi của họ và những lời *than van, oán trách* sẽ tạo nên những sự công phẫn căm thù trong dân chúng, những người đói khổ. Họ phải cấm đoán, chống đối với các sự kiện có thể làm mầm cho các sự kiện sau này và ta thấy chế độ kiểm duyệt với tất cả sự gắt gao của nó được đặt ra và triệt để duy trì. Các bài thơ, bài diễn văn, lời kêu gọi của những văn sĩ ái quốc như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh v.v... và sau này nhóm La Lutte, La Cloche fêlée đều bị cấm đoán lưu truyền, phổ biến. Những người chủ trương nói lên sự bất công, nỗi khổ sở... đều bị làm khó dễ, tù đày, khủng bố.

Dù sao họ cũng nói lên được vài điều, vài điều thôi, nhưng quá ít. Bởi vì không khí không thuận tiện. Đó là những tiếng than tâm tức, tắc nghẹn trong cổ họng, mất ngay khi



thoát ra ngoài, âm hưởng không có là bao. Phần khác đây chỉ là những tiếng than tiêu cực, kêu gọi nhưng không quyết liệt. Họ không dám – hay không được – kết tội thẳng người đã làm cho dân Việt đau khổ, họ không tạo được bầu không khí mãnh liệt, tích cực kêu gọi sự đoàn kết của toàn dân đứng lên cải tạo lại cơ cấu xã hội đã làm cho họ đau khổ, nghĩa là cùng nhau nắm tay lật đổ sự thống trị của người Pháp ở Việt Nam.

Người ta chờ đợi thời cơ, và thời cơ đã đến thật sự.

Những năm 1945-1950. Do sự đặc biệt của lịch sử người dân Việt Nam... chịu nhiều thiệt thòi về mặt vật chất, nhưng lại có một kho tàng - nhỏ nhỏ thôi – đó là nền văn chương tranh đấu.

Những năm 1940... người Nhật tràn vào Đông Dương, với sự khôn ngoan của họ, họ không lật đổ chế độ của người Pháp ở đây mà lại thiết lập chế độ “siêu bảo hộ” lập một tầng trên tầng đè nén của người Pháp trên dân Việt... Và đêm 8-3-45 họ buộc lòng phải lật đổ người Pháp vì lúc ấy trên các chiến trường khác họ bị thất bại quá nhiều. Đông Dương có thể là căn cứ tiếp liệu, ý dõc...

Nhờ vậy người Pháp với công trình của họ ở Việt Nam gần một trăm năm bỗng nhiên bị lật nhào. Phải nhận rằng để một mình dân Việt, với tất cả sự thiếu thốn phải chịu từ lâu, ta khó lòng lật đổ người Pháp được. Nhưng Nhật cũng không kéo dài được thời gian họ ở đây lâu mặc dầu thế họ ở Đông Dương rất mạnh. Ngày 14-8-45 họ phải đầu hàng đồng minh. Dĩ nhiên nước Việt bây giờ phải được trả lại cho dân Việt. Nhưng không, với chánh sách duy trì thuộc địa người Pháp đã tiêu lòn sau đó để được tước khí giới người Nhật ở miền Nam thay thế cho quân đội Anh Quốc.

Con cọp lại có cơ hội về đất củ, đất của nó. Mặc tình muốn tác oai tác phúc, làm gì thì làm. Nhưng dân ở đây không chịu bị đè nén dễ dàng như vậy, họ đứng lên, đứng lên chống lại con cọp đó, không nghĩ gì hơn nữa, không nghĩ gì về việc con cọp khác có thể sinh ra sau này. Thật vậy, người dân không bận tâm xem lúc chống nhau với người Pháp ấy họ đã đứng sau lưng ai và lật đổ Pháp rồi họ có bị nạn thực dân bản xứ không? Vấn đề này cũng thật là vấn đề quan trọng nhưng cái nguy cơ thấy tận mắt người ta không còn lòng đâu để nghĩ đến những nguy cơ xa xôi nào khác. Người dân đoàn kết lại để chống kẻ thù chỉ dõc lòng diệt bọn thực dân Pháp thôi, vấn đề sau này có xảy ra không làm họ bận tâm lắm.

Nhưng người Pháp quá mạnh, họ đến bất ngờ. Người dân Việt còn đương ngỡ, chưa sửa soạn một cuộc chiến tranh cẩn thận nên chịu nhiều thất bại. Lòng dân sôi hận lên với họ ngày Nhật đầu hàng phải là ngày tươi sáng của dân tộc. Thế mà không, bao nhiêu mơ ước bây giờ thành ảo mộng cả. Người ta quyết lòng chống lại. Khí giới, tài vật, thân mạng không đủ, người ta động viên tất cả mọi thứ có thể góp phần vào chiến tranh chống đế quốc này. Thứ cần nhất là tinh thần. Mọi người đều ý thức rằng việc cần thiết trước tiên là đoàn kết chống kẻ thù, thì kẻ thù nhất định sẽ bị đánh bại. Do đó một nhân vật lúc ấy đã lớn tiếng hô hào : “Các nhà hoạt động văn hóa, các nghệ sĩ, văn sĩ, thi sĩ... phải dùng văn hóa mà phụng sự nhân sinh và tranh đấu cho cuộc giải phóng quốc gia”.<sup>1</sup> Lý thuyết gia về quân sự, coi tất cả lực lượng vô trang lúc ấy cũng đã tuyên bố : “Chiến tranh của chúng ta là một cuộc chiến tranh có chính nghĩa, một cuộc chiến tranh cách mạng, vậy sức kháng chiến phải bao gồm nhiều lãnh vực: quân sự, kinh tế, chánh trị và văn

hóa... Trong lãnh vực văn hóa phải xây dựng một nền văn hóa dân chủ dựa trên quốc gia, quần chúng”<sup>2</sup>

Bây giờ người ta coi văn học như một cánh tay phụ của vỏ trang để cách mạng. Văn học làm đoàn kết người dân lại, đoàn kết những người bị áp bức và những người đau lòng vì đồng bào bị áp bức. Sứ mạng lịch sử của văn chương, giai đoạn 1945-1950, là vậy, cổ động cho sự đứng lên, sự đoàn kết, sự hy sinh... Do đó nó có hai mặt.

-Tổ cáo sự tàn ác bất nhân của người Pháp thực dân.

-Kêu gọi toàn dân lên đường tranh đấu.

Về phương diện thứ nhất cho ta thấy rằng người Pháp ở Việt Nam chỉ mong bóc lột dân Việt để làm giàu. Họ không từ khước trước một việc gì họ nghĩ là có lợi cho họ (độc quyền xuất nhập cảnh, mộ phu không có quy chế hợp lý, bắt dân uống rượu, trồng nha phiến, đánh thuế nặng các hàng hóa nhập cảnh của các nước khác vào Việt Nam...) nếu người dân có tức giận đứng lên phản đối thì họ không nề hà gì để đàn áp thẳng tay, giết chóc cả ngàn người một lúc, nghĩa là họ mua bất cứ giá nào để duy trì sự hiện diện có lợi cho họ trên mảnh đất Việt Nam này.

Trình bày cho người đọc thấy dã tâm của thực dân Pháp, là các nhà văn đã thành công, từ tức giận đến đoàn kết để tiêu diệt sự dã tâm đó chẳng bao xa và thực tế trong lịch sử vừa qua ta đã thấy sự đứng dậy của toàn dân Việt dũng mãnh biết đường nào.

Nhưng để thành công hơn, để có sự đoàn kết hơn, nền văn chương lúc ấy còn kêu gọi người dân nào là cần thiết phải diệt thực dân Pháp, phải hy sinh, can đảm, tin tưởng ở ngày mai cách mạng thành công... Lời kêu gọi khi thì tha thiết, khi thì thúc dục, dè bĩu hạng người lừng khừng, vị ngã, không tham gia...

Văn nhân kê ra – hoặc tưởng tượng - những trận thư hùng trong đó quân dân Việt Nam thành công mỹ mãn để nâng cao hào khí toàn dân...

Hai mặt trên tôi gọi là hai cánh tay của nền văn chương tranh đấu, một tay thì xô ngã cái lớp sơn đạo đức giả tạo mà người Pháp thực dân đã đeo vào mặt, một tay thì đưa khí giới cho toàn dân để họ diệt quân thù. Ta có thể gọi hai hướng đi này là hai khuynh hướng của nền văn chương tranh đấu trên, một thiên về xã hội nói đến những gì liên quan tới xã hội, dân chúng ... Một thiên về quốc gia nói đến sự kiến tạo quốc gia, giết đuổi quân thù để nước nhà độc lập.

Ngoài hai hướng này còn một con đường khác, con đường mở lối tôi thấy quan trọng hơn, đó là nhóm đặt lý thuyết. Họ đưa ra các câu trả lời về việc tại sao phải sửa đổi, phải sửa đổi cách nào cho hợp lý, hướng dẫn quốc gia đi theo đường lối nào, phải làm sao cho cách mạng thành công...

Tôi gọi đó là trí não của hai cánh tay nọ mặc dầu hình ảnh trên không được đúng lắm như sự phân chia trên cho ta thấy rõ ràng các lãnh vực mà những nhà văn lúc ấy hướng ngòi bút mình về để phụng sự.

Về nhóm lý thuyết ta có thể kể : Dương Tử Giang – Thẩm Thệ Hà – Hồ Hữu Tường – Triều Sơn – Nhóm Chân trời mới.

Nhóm thiên về xã hội gồm có : Bùi Nam Tử - Phi Vân – Sơn Khanh – Hoàng Tấn – Lý Văn Sâm – Vũ Xuân Tự - Hoàng Mai – Nguyễn Xuân Mỹ - Cô Hợp Phố...

Nhóm hướng về đường lối quốc gia có thể kể<sup>3</sup> Vũ Anh Khanh – Quốc Ân – Việt Tha – Võ Hòa Khanh – Liên Chớp – Phạm Thu Cảnh... Xin nhắc lại, chúng tôi chỉ xét phần đóng góp về phương diện nào nhiều mà xếp các văn nhân về hướng ấy mà thôi. Chúng tôi cũng cho những nhà văn lúc ấy ai cũng viết về vấn đề chung : *“Những vấn đề khái quát trọng đại ấy gồm tất cả những nỗi thắc mắc của tất cả một thế hệ nghệ sĩ ngày nay, lớp nghệ sĩ muốn có một nhận định rõ ràng để bước mạnh theo kịp trào lưu tiến bộ. Lớp nghệ sĩ ấy ngày nay đều đã bắt đầu ý thức đến ý nghĩa xã hội của nghệ thuật cùng vai tuồng xã hội của nghệ sĩ.*

Trích nhật báo Thần chung ngày 7-10-49

Tóm lại, dù nhắm vào hướng nào, các văn nghệ sĩ được đề cập đến ở đây đều nhắm vào mục đích làm sao cho người dân ý thức thân phận nhược tiểu của mình mà đứng lên lật đổ cơ cấu xã hội thuộc địa lúc ấy để có thể tạo một đời sống thoải mái hơn.

Có người bảo rằng như vậy nền văn chương này dựa trên căm thù, tạo sự chết chóc, sắt thép. Tôi cho rằng không cần hỏi văn chương có cần phải nhẹ nhàng tươi sáng... hay căm thù, mà chỉ cần hỏi ở đây sự căm thù có chính đáng hay không. Tại sao ta lại căm đoán văn chương làm sứ mạng lịch sử của nó khi nó có thể làm được mạnh hơn. Ta có thể bảo rằng chính vì nhờ nền văn chương này mà những năm 1945-1950 người chống Pháp rất nhiều, khiến người Pháp hiểu rõ hơn tinh thần dân Việt Nam, tinh thần một dân tộc không chịu sống yên trong nô lệ, đã thường nổi dậy suốt trong những năm cai trị của họ<sup>4</sup> Cuối cùng vấn đề chốt đặt ra là mốc giới hạn không gian và thời gian của loạt bài này, Trả lời câu hỏi thứ nhất, tôi xin nói ngay rằng đó chỉ là vấn đề tài liệu. Về giới hạn thời gian thì tế nhị hơn. Năm 1945 có sự thay đổi lớn trong tinh thần dân Việt. *Những hy vọng, ôm ấp mong mỏi của toàn thể mọi người dân từ lâu bấy giờ bỗng nhiên thành sự thật. Mọi người đều thấy trước một tương lai tươi sáng cho dân tộc hé mở*<sup>5</sup>. 1945 là vậy, sau đó sự thật thế nào như ta đã biết. 1950 cũng là năm quan trọng vì lúc này giới lãnh đạo cuộc chiến tranh của dân tộc đã ra mặt, tỏ rằng mình chiến đấu đáng hơn là vì dân vì nước. Năm 1950 Việt Nam chia làm hai chính phủ, thật sự đánh nhau với sự hỗ trợ của hai khối, chiến tranh bấy giờ là chiến tranh ý thức hệ chứ không còn là chiến tranh cách mạng, giải phóng nữa. Văn nghệ sĩ hết còn thấy “hứng” trong các đề tài cũ nữa. Một giai đoạn của lịch sử văn học bước qua theo chân của sự chuyển hướng chánh trị. Vậy văn học miền Nam 1945-1950 phát sinh do hoàn cảnh đặc biệt của dân tộc. Nhiều nước chung quanh ta cũng có trường hợp lịch sử gần như tương tự nhưng khi xong thế chiến thứ hai họ không bị nước đế quốc cũ trở lại và họ được độc lập ngay lúc ấy. Dĩ nhiên nhờ đó họ không bị một cuộc chiến tranh dai dẳng như nước Việt Nam bấy giờ.

Nhưng bù lại ta được một nền văn chương đặc biệt, văn chương ghi lại sức đấu tranh hào hùng của dân tộc . Trong cái rủi cũng có cái may ! Cuộc chiến kéo dài càng làm cho nền chiến tranh mà ta đang khảo sát đây thêm mơ hồ, khó hiểu; khó hiểu vì bị lợi dụng, vì tài liệu thiếu thốn...

Chúng tôi hy vọng là người vạch những gì bao bọc nền văn chương này để nó được coi như bất cứ một nền văn chương nào khác mà thôi, người muốn tìm hiểu cứ bước vào khỏi phải e dè rào đón<sup>6</sup>

- 
- 1 Trích lại của nhà văn Thẩm Thệ Hà – Việt Nam trên đường cách mạng Tân Văn Hóa nhà xuất bản Tân Việt Nam – Saigon 1949, trang 50, (lời Hồ Chí Minh).
  - 2 Trích dịch của Lê Thành Khôi (lời của Trường Chinh) trang 492 Le Việt Nam, Histoire et Civilisation – Edition, Minuit 1955.
  - 3 Ngoài ra còn có vài nhà văn lớp dưới họ cũng không đi ra ngoài những mục tiêu kể trên nhưng phần nhiều các tác phẩm họ kém quá chạy theo thị hiếu của nhóm người bình dân mà thời nào cũng có, cho nên chúng tôi cũng giới thiệu nhưng rất sơ lược.
  - 4 Những đảng phái quốc gia chống Pháp, có những khuynh hướng chánh trị khác nhau đã có ngay từ khởi thủy cuộc cai trị của chúng ta (người Pháp) – H.Navarre – Agonie de L Indochine – Pioné diteur 1955 trang II
  - 5 Bùi Văn Thịnh – Vấn đề Việt Nam đối với Quốc Tế Công Pháp (ABC – 1947) trang 113
  - 6 Ông Thế Phong trong quyển Lược sử Văn nghệ Việt Nam – Nhà văn miền Nam 1945-1950 có đăng lời giới thiệu của tạp chí “Văn hóa Á Châu”. Viết và nhận định những hiện tượng văn nghệ trong lịch sử, không phải là công việc thưởng thức văn chương với thái độ chủ quan và tự do khen chê tùy thích, cũng không phải là công việc phê bình chính trị với những lập trường thiên lệch có tính cách cá nhân hay bè đảng và như thế thái độ chính đáng hơn cả là phải khách quan tôn trọng sự thật và nhận định sự việc theo lập trường dân tộc.” Nhận thấy nhà văn Thế Phong đã noi theo tôn chỉ trên đây” (trang 3)

Ông Cung giữ Nguyên trong quyển Volontés d existence – Editions France-Asie Saigon 1945 – page 136 cũng cho rằng nhận định nền văn chương tranh đấu này là quá sớm mặc dầu lúc ấy nền văn chương đã chấm dứt rồi.